

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

V/v: "Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thi Hương Giang.

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Trần Văn Thiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 92A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giáp Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn Đồng Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bi đơn: Chi Sầm Thi Ch, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn Đồng Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Giáp Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sầm Thị Ch kết hôn trên cơ sở có tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại T, huyện T ngày 02/5/2018. Sau khi kết hôn anh và chị Ch về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc thời gian ngắn, đến đầu tháng 9 năm

2018 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sầm Thị Ch.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Giáp Văn H vắng mặt giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn chị Sầm Thị Ch: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Ch, tuy nhiên chị Ch không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa chị Sầm Thị Ch vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giáp Văn H được ly hôn với chị Sầm Thị Ch.

Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Giáp Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Sầm Thị Ch có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Anh Giáp Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Sầm Thị Ch nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp ly hôn".

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Sầm Thị Ch, tuy nhiên chị Ch không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án, chị Ch vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn anh H có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Giáp Văn H và chị Sầm Thị Ch kết hôn trên cơ sở có tình hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang ngày 02/5/2018. Do vậy hôn nhân giữa vợ chồng anh H và chị Ch là hôn nhân hợp pháp. Tại các biên bản xác minh, làm việc với chính quyền địa phương cho biết: Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị Ch có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, có xảy ra xung đột, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng anh H và chị Ch đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích nêu trên, cần xử anh Giáp Văn H được ly hôn với chị Sầm Thị Ch là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Không có nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Giáp Văn H thuộc người khuyết tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giáp Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giáp Văn H được ly hôn với chị Sầm Thị Ch.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Giáp Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang

